

Nghiệp vụ 1.

Ngày 20/11/2007, khách hàng Y không mở tài khoản tại PGD X đến PGD thực hiện một lệnh chuyển tiền cho khách hàng Z có tài khoản tại Ngân hàng B, số tiền 200 triệu. PGD thu phí chuyển tiền 0.03 % trên số tiền chuyển, phí kiểm đếm 0.02%. Tại PGD X phải thực hiện chuyển lệnh về Hội sở ngân hàng A để Hội sở thực hiện chuyển tiền ra ngoài hệ thống. Thuế VAT phải nộp 10%.

- Tại PGD X.

1. Thu phí dịch vụ chuyển tiền:

Nợ 1011: 60.000đ (200 triệu*0.03%)

Có 711(thu phí dịch vụ thanh toán): 54.545đ

Có 4531: 5.455đ

2. Thu phí kiểm đếm:

Nợ 1011: 40.000đ (200 triệu*0.02%)

Có 713(thu dịch vụ ngân quỹ - phí kiểm đếm): 36.364đ

Có 4531(thuế VAT phải nộp Nhà nước): 3.636đ

3. Thực hiện việc chuyển tiền cho khách hàng Y:

Nợ 1011: 200.000.000đ

Có 5199 (thanh toán khác giữa các đơn vị trong từng ngân hàng)

: 200.000.000đ

Đồng thời, thực hiện một lệnh chuyển tiền về Hội sở:

- Tại Hội sở:

Nợ 5199: 200.000.000đ

Có 454(chuyển tiền phải trả bằng đồng Việt Nam)

: 200.000.000đ

Khi thực hiện thanh toán lệnh chuyển, Hội sở sẽ hạch toán như sau:

Ngân hàng A và B đều có mở tài khoản tại ngân hàng Nhà nước.

Tại ngân hàng A thực hiện một lệnh chuyển tiền cho ngân hàng B thông qua tài khoản mở tại ngân hàng Nhà nước.

Nợ 454: 200.000.000đ

Có 1113.NHA: 200.000.000đ

Tại ngân hàng B khi nhận được báo có của ngân hàng A thông qua ngân hàng Nhà nước sẽ tiến hành báo có vào tài khoản khách hàng.

Nợ 1113.NHB: 200.000.000đ

Có 4211. KHZ: 200.000.000đ

Nghiệp vụ 2.

Nhận được báo có của NHNN về số tiền mà kho bạc đã chuyển vào tài khoản của NHA 4tỷ. Số tiền này Chính phủ ủy thác cho NH A để cho vay theo kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng. Trong kỳ, đã giải ngân cho công ty Xây dựng N 600 triệu đồng. Trong đó trả vào tài khoản tiền gửi của công ty Xây dựng mở tại chính NH là 300 triệu đồng, chuyển tiền qua thanh toán bù trừ trả cho công ty cơ khí 200 triệu đồng mở tại NHTM D, lĩnh tiền mặt 100 triệu để trả lương và tiền thuê nhân công. NH nhận được 5 triệu phí ủy thác của Bộ Tài Chính chuyển vào tài khoản tiền gửi tại NHNN. Trong số phí này, phải nộp thuế VAT 10%.

Tại NH nhận Ủy thác

1.Kho bạc chuyển vào tài khoản tiền gửi của NH tại NHNN

Nợ 1113 :4.000.000.000đ

Có 4412 (vốn ngân hàng nhận của chính phủ): 4.000.000.000đ

2.Giải ngân cho công ty Xây dựng N

Nợ 359 (Các khoản phải thu): 600.000.000đ

Có 4211.Công ty XD N: 300.000.000đ

Có 1011: 100.000.000đ

Có 5012(Thanh toán bù trừ của NH thành viên): 200.000.000đ

3.Thu phí Ủy thác

Nợ 1113.NHA: 5.000.000đ

Có 4531(Thuế VAT phải nộp): 500.000đ

Có 714(Phí Ủy thác): 4.500.000đ

Nghiệp vụ 3.

Khách hàng đến trả lãi hợp đồng tín dụng. Số tiền vay 500 triệu, lãi su 14%/năm, thời hạn vay 1 năm, lãi phạt 10% lãi vay, tính lãi 360 ngày. Hợp đồng trả lãi hàng tháng. Hợp đồng vay ngày 15/09/07.

Ngày 15/10/07 khách hàng không đến thanh toán tiền lãi:

Lãi từ 15/09/07 -> 15/10/07

$$500.000.000 * 14\% * 30/360 = 5.833.333$$

Lãi phạt từ 15/10/07 -> 30/10/07

$$14 * 150\% = 21\%$$

$$5.833.333 * 21\% * 30/360 * 15 = 51.042$$

=> Tổng số tiền lãi khách hàng phải thanh toán: 5.884.375

Hàng ngày tiền lãi được hạch toán dự thu vào TK 3941 (lãi dự thu từ cho vay)

Nợ 3941

Có 7020 (thu lãi cho vay)

Đến ngày 30/10/07 khách hàng thanh toán được hạch toán như sau:

Nợ 1011: 5.833.333

Có 3941 : 5.833.333.

Nợ 1011 : 51.402

Có 7091 (thu khác từ hoạt động tín dụng) : 51.042

Nghiệp vụ 4.

Ngày 30/10/07 tại PGD X tiến hành giải ngân hợp đồng tín dụng, số tiền 2 tỷ, thời hạn 1 năm, lãi vay 13%/năm, lãi phạt 150% lãi vay, tính lãi 360 ngày, hợp đồng trả lãi hàng tháng, tài sản đảm bảo có giá trị 3 tỷ. Thu phí hồ sơ tín dụng 200.000đ. Khách hàng lãnh tiền mặt.

Sau khi đã hoàn tất hồ sơ tín dụng tại phòng tín dụng, căn cứ lệnh giải ngân của phòng tín dụng, kế toán thực hiện giải ngân cho khách hàng.

+ Nợ 2111(vay ngắn hạn): 2 tỷ
 Có 1011 : 2 tỷ.

+ Nợ 1011 : 200.000
 Có 7111 : 181.181
 Có 4531 : 18.182.

Đồng thời tiến hành nhập ngoại bảng tài sản đảm bảo: Tài khoản sử dụng ở đây là 9940 (tài sản thế chấp, cầm đồ của khách hàng)
 Nhập 9940 : 3 tỷ.